

Nguyễn Xuân Thoảng



UBND Xã: Ngọc Kỳ

Biểu số 114/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2021

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN 5 = 3/1	THU NSX 6 = 4/2
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	5.321.393	5.321.393	5.094.364	5.094.364	95,73	95,73
I	Các khoản thu 100%	34.000	34.000	23.468	23.468	69,02	69,02
1	Phí, lệ phí	12.000	12.000	4.968	4.968	41,40	41,40
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	20.000	20.000				
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			18.500	18.500		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	2.000	2.000				
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	75.000	75.000	570.896	570.896	761,19	761,19
I	Các khoản thu phân chia	56.000	56.000	11.371	11.371	20,31	20,31
1.1	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	19.000	19.000				
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	2.000	2.000				
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	35.000	35.000	11.371	11.371	32,49	32,49
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tính quy định	19.000	19.000	559.525	559.525	2.944,87	2.944,87
2.1	Thu tiền sử dụng đất			558.920	558.920		
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	13.000	13.000				
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	6.000	6.000	605	605	10,08	10,08
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						

ĐẠI HỌC NGỌC KỲ

Biểu số 115/CK TC-NSNN

Đơn vị: 1000 đồng

[illegible]